

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính không
phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý của
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 213/TTr-SGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung các bước tiếp nhận, chuyển kết quả giải quyết và trả kết quả của quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý

của Sở Giáo dục và Đào tạo, thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được ban hành tại Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (có *Danh mục thủ tục hành chính và Phụ lục Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính* kèm theo).

2. Nội dung quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tương ứng thuộc phạm vi quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Quyết định: Số 1087/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025; số 1098/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025; số 1103/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025; số 1115/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025; số 1126/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025; số 667/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2025; số 545/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025; số 404/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025; số 353/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2025; số 1482/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024; số 1469/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2024; số 1254/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024; số 135/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024; số 737/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023; số 928/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2022; Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022; Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 vẫn còn hiệu lực thi hành, thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

3. Đối với hồ sơ thủ tục hành chính đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến thì Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã thực hiện cung cấp thông tin, **ưu tiên hỗ trợ, hướng dẫn** tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, giám sát và thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng Quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm soát việc chấp hành Quy trình nội bộ, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất xử lý trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính để thiết lập lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng Quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,

phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KGVX;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC(dttthao).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Y Ngọc

PHỤ LỤC
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ
GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI
QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
I	Lĩnh vực cơ sở giáo dục khác		
1	1.005061.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Cấp tỉnh
2	1.012959.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
3	1.012960.H48	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Cấp tỉnh
4	1.012958.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Cấp tỉnh
5	3.000306.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
		xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	
6	3.000305.H48	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cấp tỉnh
7	3.000304.H48	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	Cấp tỉnh
8	3.000303.H48	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	Cấp tỉnh
9	3.000302.H48	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	Cấp tỉnh
10	3.000301.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	Cấp tỉnh
11	3.000300.H48	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cấp tỉnh
12	3.000298.H48	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	Cấp tỉnh
13	3.000299.H48	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
14	3.000297.H48	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
15	2.001987.000.00.00.H48	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	Cấp tỉnh
16	1.005008.000.00.00.H48	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Cấp tỉnh
17	1.004991.000.00.00.H48	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	Cấp tỉnh
18	1.004999.000.00.00.H48	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	Cấp tỉnh
19	1.004988.000.00.00.H48	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	Cấp tỉnh
II	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp		
20	1.013764.H48	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;	Cấp tỉnh
21	1.013761.H48	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cấp tỉnh
22	1.013759.H48	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thục	Cấp tỉnh
23	1.013765.H48	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp tỉnh
24	1.013762.H48	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
25	1.013763.H48	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cấp tỉnh
26	1.013760.H48	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cấp tỉnh
27	1.010928.000.00.00.H48	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Cấp tỉnh
28	1.010927.000.00.00.H48	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	Cấp tỉnh
29	1.000159.H48	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
30	2.000130.H48	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
31	2.001959.H48	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Cấp tỉnh
32	1.010596.000.00.00.H48	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
33	1.010594.000.00.00.H48	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	Cấp tỉnh
34	1.010593.000.00.00.H48	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	Cấp tỉnh
35	1.010595.000.00.00.H48	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực.	Cấp tỉnh
36	1.000482.000.00.00.H48	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp tỉnh
37	1.000509.000.00.00.H48	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp tỉnh
38	1.000530.000.00.00.H48	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Cấp tỉnh
39	1.000553.000.00.00.H48	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Cấp tỉnh
40	1.000138.000.00.00.H48	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Cấp tỉnh
41	1.000154.000.00.00.H48	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
42	1.000167.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Cấp tỉnh
43	2.000632.000.00.00.H48	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	Cấp tỉnh
44	2.000189.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	Cấp tỉnh
45	1.000389.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Cấp tỉnh
III	Lĩnh vực giáo dục thường xuyên		
46	1.013757.H48	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Cấp tỉnh
47	1.013756.H48	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại	Cấp tỉnh
48	1.013755.H48	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Cấp tỉnh
49	1.013751.H48	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
		giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	
50	1.013753.H48	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Cấp tỉnh
51	1.013752.H48	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại	Cấp tỉnh
52	1.013754.H48	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Cấp tỉnh
53	1.013758.H48	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Cấp tỉnh
54	3.000315.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
55	3.000317.H48	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
56	1.012988.H48	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Cấp tỉnh
57	3.000316.H48	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Cấp tỉnh
IV	Lĩnh vực giáo dục trung học		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
58	2.002478.000.00.00.H48	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	Cấp tỉnh
59	1.001088.000.00.00.H48	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	Cấp tỉnh
60	1.012956.H48	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Cấp tỉnh
61	1.012955.H48	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Cấp tỉnh
62	1.012954.H48	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	Cấp tỉnh
63	1.012953.H48	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Cấp tỉnh
64	1.012944.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Cấp tỉnh
65	2.002479.000.00.00.H48	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	Cấp tỉnh
66	2.002480.000.00.00.H48	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
67	3.000181.000.00.00.H48	Tuyển sinh trung học phổ thông	Cấp tỉnh
V	Lĩnh vực giáo dục trung học thuộc hệ thống quốc dân		
68	1.002407.H48	Xét, cấp học bổng chính sách	Cấp tỉnh
69	1.009002.H48	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	Cấp tỉnh
70	2.002593.H48	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	Cấp tỉnh
71	1.002982.000.00.00.H48	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Cấp tỉnh
72	1.000729.000.00.00.H48	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
73	1.005143.000.00.00.H48	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Cấp tỉnh
74	2.002756.H48	Thông báo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	Cấp tỉnh
75	1.001714.000.00.00.H48	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Cấp tỉnh
76	1.000691.000.00.00.H48	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Cấp tỉnh
77	1.000280.000.00.00.H48	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
78	1.000288.000.00.00.H48	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Cấp tỉnh
VI	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo với nước ngoài		
79	2.000729.H48	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Cấp tỉnh
80	1.008721.H48	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp tỉnh
81	1.008720.H48	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp tỉnh
82	2.000545.H48	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	Cấp tỉnh
83	1.000939.000.00.00.H48	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
84	1.001492.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
85	1.001493.000.00.00.H48	Chấm dứt hoạt động của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
		đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
86	1.001496.000.00.00.H48	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	Cấp tỉnh
87	1.001497.000.00.00.H48	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	Cấp tỉnh
88	1.001499.000.00.00.H48	Phê duyệt liên kết giáo dục	Cấp tỉnh
89	1.013767.H48	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	Cấp tỉnh
90	2.000451.H48	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
91	1.001501.H48	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	Cấp tỉnh
92	2.000680.H48	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
93	1.006446.H48	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
94	1.008723.000.00.00.H48	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
		tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	
95	1.008722.000.00.00.H48	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp tỉnh
96	1.000716.000.00.00.H48	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
97	1.000718.000.00.00.H48	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
98	1.001495.000.00.00.H48	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
VII	Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục		
99	1.000259.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
100	1.000711.000.00.00.H48	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
101	1.000713.000.00.00.H48	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp tỉnh
102	1.000715.000.00.00.H48	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp tỉnh
VIII	Lĩnh vực thi, tuyển sinh		
103	1.009394.000.00.00.H48	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	Cấp tỉnh
104	1.005142.000.00.00.H48	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Cấp tỉnh
105	1.005090.000.00.00.H48	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Cấp tỉnh
106	1.013338.H48	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	Cấp tỉnh
107	1.003734.000.00.00.H48	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Cấp tỉnh
108	1.005095.000.00.00.H48	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Cấp tỉnh
109	1.005098.000.00.00.H48	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	Cấp tỉnh
IX	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ		
110	1.004889.000.00.00.H48	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
111	3.000466.H48	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	Cấp tỉnh
112	3.000465.H48	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	Cấp tỉnh
B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ			
I	Lĩnh vực cơ sở giáo dục khác		
1	1.012974.H48	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cấp xã
2	1.012975.H48	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Cấp xã
3	3.000309.H48	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Cấp xã
4	1.012971.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Cấp xã
5	1.012972.H48	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Cấp xã
6	1.012973.H48	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Cấp xã

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
II	Lĩnh vực giáo dục mầm non		
7	1.012961.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Cấp xã
8	1.012962.H48	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cấp xã
9	1.006444.000.00.00.H48	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Cấp xã
10	1.006445.000.00.00.H48	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Cấp xã
11	1.006390.000.00.00.H48	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Cấp xã
III	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp		
12	2.002284.H48	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Cấp xã
13	2.001960.000.00.00.H48	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Cấp xã
IV	Lĩnh vực giáo dục thường xuyên		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
14	1.012970.H48	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Cấp xã
15	3.000307.H48	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Cấp xã
16	3.000308.H48	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Cấp xã
17	1.012969.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Cấp xã
V	Lĩnh vực giáo dục tiểu học		
18	1.012963.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Cấp xã
19	2.001842.000.00.00.H48	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Cấp xã
20	1.001639.000.00.00.H48	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Cấp xã
21	1.004563.000.00.00.H48	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Cấp xã
22	1.004552.000.00.00.H48	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Cấp xã
VI	Lĩnh vực giáo dục trung học		
23	1.012967.H48	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Cấp xã

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
24	1.012964.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Cấp xã
25	1.012968.H48	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cấp xã
26	1.012966.H48	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Cấp xã
27	1.012965.H48	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Cấp xã
28	2.002483.000.00.00.H48	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Cấp xã
VII	Lĩnh vực giáo dục trung học thuộc hệ thống quốc dân		
29	1.002407.H48	Xét, cấp học bổng chính sách	Cấp xã
30	1.005143.000.00.00.H48	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Cấp xã
31	2.002771.H48	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Cấp xã
32	2.002770.H48	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Cấp xã

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
33	1.008725.H48	Chuyển đổi trường tiểu học tư thực, trường trung học cơ sở tư thực và trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp xã
34	1.008724.000.00.00.H48	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp xã
35	1.001714.000.00.00.H48	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Cấp xã
36	1.000691.000.00.00.H48	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Cấp xã
37	1.000280.000.00.00.H48	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Cấp xã
38	1.000288.000.00.00.H48	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Cấp xã
VIII	Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục		
39	1.000711.000.00.00.H48	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp xã
40	1.000713.000.00.00.H48	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp xã
41	1.000715.000.00.00.H48	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp xã

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
IX	Lĩnh vực thi, tuyển sinh		
42	1.005090.000.00.00.H48	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Cấp xã
X	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ		
43	3.000468.H48	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Cấp xã
44	3.000467.H48	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Cấp xã

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

1. Bổ sung “Bước 1a. Tiếp nhận phi địa giới” vào trước “Bước 1. Nộp hồ sơ”:

*Lưu ý: Trường hợp thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính thì thực hiện bước này (Bước 1a) và chuyển đến Bước 2 kế tiếp, không thực hiện **Bước 1. Nộp hồ sơ**.*

- Nội dung công việc:

+ Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ (ghi nhận yêu cầu về hình thức, địa điểm trả kết quả) và gửi Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

+ Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào Hệ thống.

+ Thực hiện sao chụp, số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do từ chối theo quy định của pháp luật.

+ Chuyển ngay hồ sơ điện tử về các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (*đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh*) hoặc về phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (*đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã*); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền chủ trì giải quyết qua dịch vụ bưu chính theo quy định.

+ Đồng thời, chuyển thông tin về hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của cơ quan có thẩm quyền để giám sát, đôn đốc.

- Đơn vị/người thực hiện: Tổ chức, cá nhân; công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính.

- Kết quả thực hiện: Hồ sơ; các mẫu phiếu, giấy tờ liên quan theo quy định.

2. Tại Bước. Phát hành và chuyển kết quả giải quyết

Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của Đơn vị/người thực hiện phát hành kết quả giải quyết thực hiện việc chuyển kết quả giải quyết (*hồ sơ kèm theo quy định (nếu có)*) đến cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc chuyển theo dịch vụ bưu chính đến địa điểm đăng ký để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

3. Bổ sung “Bước cuối. Trả kết quả phi địa giới”

- Nội dung công việc:

+ Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

+ Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu phiếu theo quy định (nếu có).

+ Thu lại các mẫu phiếu, giấy tờ theo quy định (nếu có), gửi lại cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục hành chính hoặc lưu trữ theo quy định.

+ Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.

+ Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử.

- Đơn vị/người thực hiện: Tổ chức, cá nhân; công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân.

- Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính.

- Kết quả thực hiện: Hồ sơ; các mẫu phiếu, giấy tờ liên quan theo quy định./.
